

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 14-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại.

Bà Hà Thị Hồng Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 31/10/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 05/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 05/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C; địa chỉ: 123456, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N, Phó Giám đốc (vắng mặt); ông C, Trưởng phòng Tổng hợp (vắng mặt); ông H, Phó Trưởng phòng Tổng hợp (vắng mặt); ông T, Cán bộ thu nợ phòng Tổng hợp; có mặt; cùng nơi làm việc: Ngân hàng C - chi nhánh Lạng Sơn, địa chỉ: 123, tỉnh Lạng Sơn.

- **Bị đơn:** Bà L, sinh năm 1970; địa chỉ: ABC, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông H, sinh năm 1966; địa chỉ: ABC, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng C do ông T là người đại diện trình bày: Theo đề nghị

của bà L, Ngân hàng C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho bà L vay tiền theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022. Việc ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nói trên giữa hai bên là tự nguyện. Hạn mức tín dụng thẻ là 150.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng; lãi suất là 18,5%/năm; Thanh toán lãi và gốc: Hàng tháng thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê (5%) tổng dư nợ chót tại kỳ sao kê; lãi phạt đối với số tiền chậm thanh toán (tính trên số tiền thanh toán tối thiểu), nợ quá hạn dưới 30 ngày là 3%, quá hạn từ 30-60 ngày là 4%, quá hạn từ 60-90 ngày là 6%, từ 90-120 ngày là 4%, quá hạn trên 120 ngày là 4%. Ngày 06/4/2023 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 phần các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng phí phạt chậm thanh toán đối với phần dư nợ gốc quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ, đã tạo điều kiện cho bà L có thêm thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà L không thực hiện trả nợ theo cam kết và hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022), tạm tính đến hết ngày 14/3/2024 tổng số tiền nợ là 181.554.884 đồng; trong đó: Nợ gốc 149.462.331 đồng, nợ lãi: 29.321.120 đồng, phí phạt chậm thanh toán: 2.771.433 đồng. Kể từ ngày 15/3/2024, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh (nợ lãi thông thường, nợ lãi quá hạn và các chi phí khác có liên quan) cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nói trên đối với số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có bản khai, không có mặt theo giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Người làm chứng ông H tại biên bản lấy lời khai trình bày: Ông là chồng của bà L. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà L đều được nhận, được biết nhưng không có ý kiến gì. Ông được biết bà L vay Ngân hàng C số tiền hạn mức 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng theo Hợp đồng tín dụng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022. Do việc làm ăn không thuận lợi nên bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022 giữa Ngân hàng với bà L có nội dung, mục đích vay để tiêu dùng, là khoản vay tín chấp. Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; việc ký kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện; có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp

luật, không trái đạo đức xã hội; có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Bà L thực tế đã nhận thẻ tín dụng với Ngân hàng và sử dụng thẻ thực hiện các giao dịch tài khoản, đến hạn trả đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 351, 357, 398, 463, 466, 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022, tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 14/3/2024 là: 181.554.884 đồng; trong đó: Nợ gốc 149.462.331 đồng, nợ lãi: 29.321.120 đồng, phí phạt chậm thanh toán: 2.771.433 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/3/2024, bà L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; bị đơn bà L phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng C khởi kiện bà L yêu cầu trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà L có nơi cư trú tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại Các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng thì Tòa án nơi Ngân hàng đặt chi nhánh sẽ giải quyết khi hai bên có tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà L vắng mặt không có lý do; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022) giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn bà L có nội dung Ngân hàng cho bà L vay tiền hạn mức tín dụng thẻ là 150.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng; lãi suất là 18,5%/năm; Thanh toán lãi và gốc: Hàng tháng thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê (5%) tổng dư nợ chót tại kỳ sao kê; lãi

phạt đối với số tiền chậm thanh toán (tính trên số tiền thanh toán tối thiểu), nợ quá hạn dưới 30 ngày là 3%, quá hạn từ 30-60 ngày là 4%, quá hạn từ 60-90 ngày là 6%, từ 90-120 ngày là 4%, quá hạn trên 120 ngày là 4%. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà L. Bà L đã ký nhận thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng thực hiện các giao dịch tài khoản. Mặc dù bị đơn bà L không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, không trình bày ý kiến về việc khởi kiện nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và lời khai của người làm chứng ông H là chồng bà L có căn cứ xác định bà L vay tiền Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; việc ký kết Hợp đồng là tự nguyện; có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức và nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 14/3/2024, tổng số tiền bà L còn nợ Ngân hàng là 181.554.884 đồng; trong đó: Nợ gốc 149.462.331 đồng, nợ lãi: 29.321.120 đồng, phí phạt chậm thanh toán: 2.771.433 đồng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/3/2024 đối với số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.067.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0000186 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 351, 357, 398, 463, 466, 468,

của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên Ngân hàng C.

1.1. Về trách nhiệm thanh toán nợ: Bị đơn bà L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022, tổng số tiền nợ phải trả tạm tính đến hết ngày 14/3/2024 là 181.554.884 đồng; trong đó: Nợ gốc 149.462.331 đồng, nợ lãi: 29.321.120 đồng, phí phạt chậm thanh toán: 2.771.433 đồng.

2.2. Kể từ ngày 15/3/2024, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh (nợ lãi thông thường, nợ lãi quá hạn và các chi phí khác có liên quan) cho Ngân hàng đối với số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 16082022/TTD ngày 16/8/2022 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng C không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.067.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0000186 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn bà L phải chịu 9.077.000 đồng (chín triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Anh Đại

Hà Thị Hồng Thu

Hứa Thị Thanh Xuyên

